

Bản án số: 07/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 20/3/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hứa Thị Hương.
- Ông Nguyễn Sao Hôm.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Quang Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 04 ngày 27/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959.

Trú tại: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh T, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã T), huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 12/11/2008. Sau đó anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau tại gia đình của anh T. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 5 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T mãi chơi, không chịu làm kinh tế, thường xuyên gây sự, cãi nhau với chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe còn đánh chị. Bố mẹ chồng chị cũng chửi mắng, đối xử hà khắc với chị. Năm 2019, chị cùng anh T chuyển về nhà chị sinh sống nhưng tình trạng vợ chồng không thay đổi. Tháng 6 năm 2023, trong một lần cãi nhau, anh T đã cầm dao đe dọa, đuổi đánh chị. Sau đó, anh T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/10/2009 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2015. Hiện nay, cháu H ở cùng anh T, còn cháu D ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các cháu để quyết định. Nếu các con chung đều muốn ở với chị thì chị chấp nhận nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S.

- Ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T xác định cháu Nguyễn Minh H từ trước đến nay đều ở cùng anh T và ông, bà nội. Nay anh T đi lao động ở Nhật Bản, với trách nhiệm của ông bà nội, ông sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc, dạy dỗ cháu H. Thời gian gần đây chị S đưa cháu D về nhà ông nhưng lúc đó ông không có nhà. Ông đề nghị chị Sen phải gặp trực tiếp ông để nói chuyện về việc nhờ ông bà nội chăm sóc cháu D thì ông sẽ có trách nhiệm.

- Trưởng thôn C, xã T xác định: sau khi cưới, anh Th và chị S chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh T là ông C và bà C tại địa phương. Quá trình chung

sống, vợ chồng hay có mâu thuẫn do anh T nóng tính, vợ chồng có nhiều bất đồng. Hiện anh T và chị S mỗi người sống một nơi.

- Tại bản tự khai của mình, cháu H có nguyện vọng ở với anh Thùy và cháu D có nguyện vọng ở với chị S.

- Tại Công văn số 3083/QLXNC-P3 ngày 06/02/2024, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an trả lời: Theo dữ liệu của Cục quản lý nhập cảnh quản lý: anh Nguyễn Văn T xuất cảnh ngày 03/01/2024, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, cho chị S được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/10/2009 cho anh Nguyễn Văn T và giao con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2015 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh T vắng nhà, tạm giao con chung cho ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của anh T được thay mặt anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

- Án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Tại thời điểm chị Phạm Thị S khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung, anh Nguyễn Văn T có địa chỉ thường trú tại xã T, huyện K. Ngày 03/01/2024, anh T mới xuất cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị S đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2008 tại UBND xã V (nay là xã T), huyện Kim T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Theo chị S trình bày: anh T nhiều lần đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị nhưng chị vẫn chịu đựng để tiếp tục chung sống. Nhưng anh T không thay đổi, thậm chí còn dùng dao đe dọa đòi chém chị. Anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh T. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/10/2009 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2015. Hiện nay cháu H đang ở với anh T, cháu D đang ở với chị S. Cả hai cháu đều có nguyện vọng tiếp tục duy trì việc nuôi dưỡng như hiện nay hoặc nếu bố, mẹ có điều kiện nuôi cả hai anh em thì các cháu cũng đồng ý. Chị S cũng chấp nhận nuôi cháu D và để cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Ông C là bố đẻ anh Th cũng xác định cháu H đã ở với anh T và ông, bà nội từ nhỏ, được đảm bảo đầy đủ về cuộc sống và học tập. Mặc dù anh T không có mặt ở nhà nhưng để đảm bảo quyền lợi cũng như sự ổn định trong học tập, cuộc sống hàng ngày của cháu H và theo nguyện vọng của con chung, cần tiếp tục giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu D cho chị S nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T vắng nhà, tạm giao con chung cho ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của anh Thùy được thay mặt anh Thùy chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị S;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2015, giao cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 07/10/2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Thùy vắng nhà, tạm giao con chung Nguyễn Minh H cho ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của anh T được thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị S và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0001740 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, chị S đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K (số 31/2008);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà

